

PHỤ LỤC V

**DIỆN TÍCH CÁC KHU VỰC SỬ DỤNG ĐẤT CẦN QUẢN LÝ NGHIÊM NGẶT
TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 CỦA HUYỆN LẮK**

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

tháng

năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(Đơn vị tính: ha)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất *	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				TT.Liên Sơn	Xã Yang Tao	Xã Bông Krang	Xã Đắk Liêng	Xã Buôn Tría	Xã Buôn Triết	Xã Đắk Phơi	Xã Đắk Nuê	Xã Krông Nô	Xã Nam Ka	Xã Ea Rbin
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Đất trồng lúa	LUA	8,840.26	134.36	1,069.80	797.08	1,408.36	895.40	2,144.34	350.50	535.61	366.59	168.45	969.77
2	Đất rừng đặc dụng	RDD	55,308.64	177.78	4,052.20	29,246.44	392.24	497.33	2,305.61	14.50	1,476.20	4,778.18	7,659.83	4,708.32
3	Đất rừng phòng hộ	RPH	16,178.67	-	-	-	-	-	-	3,328.35	528.17	12,322.15	-	-
4	Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	8,413.20	-	-	43.69	25.47	833.84	988.04	2,570.61	2,081.43	1,834.09	36.02	-